

Số: 1840/QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận kết quả kiểm tra trình độ ngoại ngữ
Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ, Chuẩn đầu ra Công nghệ thông tin
đợt II năm học 2023 - 2024 và cấp chứng nhận cho sinh viên có kết quả đạt.

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MÔ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Đề án "Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017 - 2025";

Căn cứ Quyết định số 1164/QĐ-MĐC ngày 02/12/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mô - Địa chất về việc ban hành Quy định về Chuẩn trình độ ngoại ngữ và Công nghệ thông tin cho sinh viên đại học hệ chính quy của Trường Đại học Mô - Địa chất;

Căn cứ Quyết định số 1601/QĐ-MĐC ngày 19/10/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mô - Địa chất về việc thành lập Hội đồng kiểm tra Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ và Công nghệ thông tin đợt II năm học 2023 - 2024;

Căn cứ kết quả kiểm tra Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ và Chuẩn đầu ra Công nghệ thông tin đợt II năm học 2023 - 2024 của Trường Đại học Mô - Địa chất.

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học HUMG

QUYẾT ĐỊNH:

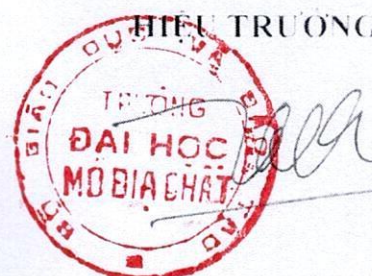
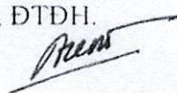
Điều 1. Công nhận kết quả kiểm tra Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ, Chuẩn đầu ra Công nghệ thông tin của sinh viên tại Hội đồng thi Trường Đại học Mô - Địa chất đợt II năm học 2023 - 2024 (sinh viên có tên trong danh sách kèm theo).

Điều 2. Sinh viên tham gia kiểm tra Chuẩn đầu ra đủ điều kiện được cấp chứng nhận công nhận đạt Chuẩn đầu ra Ngoại ngữ, Chuẩn đầu ra Công nghệ thông tin theo quy định.

Điều 3. Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học HUMG, Trưởng Phòng Đào tạo Đại học, Trưởng các đơn vị liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách kèm theo Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Lưu HCTH, NNTH, ĐTDH.



GS.TS Trần Thanh Hải

**DANH SÁCH KẾT QUẢ KIỂM TRA CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ
ĐỢT II NĂM HỌC 2023 - 2024**

(Kèm theo Quyết định số 18210/QĐ-MĐC ngày 17 tháng 11 năm 2023 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất)

STT	Mã sinh viên	Họ tên		Nghe	Đọc	Viết	Nói	Điểm đánh giá	Xếp loại	Ghi chú
1	1921011026	Võ Hoài Ân		12	23	20	15	70	Đạt (Bậc 2)	
2	2024012318	Đỗ Thu Anh		20	25	19	23	87	Đạt (Bậc 2)	
3	1821060132	Doãn Thế Anh		11	30	25	16	82	Đạt (Bậc 2)	
4	2024011287	Dương Lan Anh		10	11	5	0	26	Không đạt	
5	2024011395	Dương Thị Quỳnh Anh		11	26	21	7	65	Không đạt	
6	2024010210	Hoàng Quốc Anh		19	30	22	21	92	Đạt (Bậc 3)	
7	2024011399	Lê Kim Anh		14	30	22	19	85	Đạt (Bậc 2)	
8	1521020092	Lương Đức Anh		20	30	25	18	93	Đạt (Bậc 3)	
9	2024011809	Mai Ngọc Quốc Anh		10	13	5	0	28	Không đạt	
10	2024010857	Mai Thị Lan Anh		18	27	23	18	86	Đạt (Bậc 2)	
11	2024012134	Ngô Phương Anh		16	27	18	18	79	Đạt (Bậc 2)	
12	2021060371	Nguyễn Minh Anh		6	27	16	20	69	Không đạt	
13	1621050211	Nguyễn Thế Anh		20	30	25	24	99	Đạt (Bậc 3)	
14	2024011291	Nguyễn Thế Hải Anh		12	23	18	22	75	Đạt (Bậc 2)	
15	2024010366	Nguyễn Thị Lan Anh		16	27	23	23	89	Đạt (Bậc 2)	
16	2024012322	Phạm Thị Lan Anh		13	25	18	23	79	Đạt (Bậc 2)	
17	1921050077	Tạ Thị Vân Anh		17	30	25	20	92	Đạt (Bậc 3)	
18	2024010878	Trần Thị Lan Anh		17	30	24	23	94	Đạt (Bậc 3)	
19	2024012132	Vũ Mai Anh		19	30	25	22	96	Đạt (Bậc 3)	
20	2024011295	Bùi Thị Ngọc Anh		18	28	22	22	90	Đạt (Bậc 3)	
21	2024011957	Hoàng Thị Hồng Anh		18	27	21	21	87	Đạt (Bậc 2)	
22	1621050822	Trần Văn Biên		20	30	25	10	85	Đạt (Bậc 2)	
23	1721050520	Quách Văn Cảnh		20	29	12	9	70	Đạt (Bậc 2)	
24	2024012117	Bùi Thị Ngọc Chi		20	30	20	22	92	Đạt (Bậc 3)	
25	2131070007	Hà Huy Chiêm		0	0	0	0	0		
26	1621060227	Nguyễn Minh Chiến		20	30	25	23	98	Đạt (Bậc 3)	
27	2131070003	Nguyễn Công Chức		0	0	0	0	0		
28	1721060161	Đỗ Ngọc Chung		15	29	16	10	70	Đạt (Bậc 2)	
29	1921010049	Nguyễn Ngọc Chung		19	30	15	12	76	Đạt (Bậc 2)	
30	1821060335	Đinh Tiến Công		20	30	25	20	95	Đạt (Bậc 3)	
31	1921070013	Nguyễn Xuân Công		20	30	25	20	95	Đạt (Bậc 3)	
32	1921060280	Cần Đức Cường		9	30	11	20	70	Đạt (Bậc 2)	
33	1921050743	Nguyễn Việt Cường		9	30	9	0	48	Không đạt	
34	1821060296	Nguyễn Việt Cường		0	0	0	0	0		
35	1921050157	Tô Đại		20	27	15	10	72	Đạt (Bậc 2)	
36	1924010492	Nguyễn Khánh Đăng		20	30	25	8	83	Đạt (Bậc 2)	

Ngô

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Nghe	Đọc	Viết	Nói	Điểm đánh giá	Xếp loại	Ghi chú
37	1821070045	Lê Trọng Đạt	20	27	10	13	70	Đạt (Bậc 2)	
38	2024011429	Nguyễn Ngọc Diệp	17	24	16	19	76	Đạt (Bậc 2)	
39	1924011015	Mai Anh Duân	20	30	20	14	84	Đạt (Bậc 2)	
40	2024011890	Đỗ Minh Đức	18	27	22	25	92	Đạt (Bậc 3)	
41	1924010498	Lê Minh Đức	14	30	14	13	71	Đạt (Bậc 2)	
42	1621040060	Nguyễn Huy Đức	20	30	25	22	97	Đạt (Bậc 3)	
43	1921060310	Tạ Văn Đức	15	29	25	13	82	Đạt (Bậc 2)	
44	2051060002	Trần Đăng Đức	0	0	0	0	0		
45	2024010833	Nguyễn Thị Dung	16	25	22	21	84	Đạt (Bậc 2)	
46	2124011605	Nguyễn Thị Thu Dung	13	27	22	20	82	Đạt (Bậc 2)	
47	2024012308	Nguyễn Thị Thùy Dung	8	15	9	12	44	Không đạt	
48	2024011433	Nguyễn Thuỵ Dung	15	13	11	16	55	Không đạt	
49	2021050137	Đặng Tuấn Dũng	18	28	24	20	90	Đạt (Bậc 3)	
50	1821050920	Lê Văn Dũng					0		VPQC - Huy KQ
51	1821010036	Ngô Hoàng Dũng	20	30	25	22	97	Đạt (Bậc 3)	
52	1921060504	Nguyễn Hữu Dũng	20	30	25	10	85	Đạt (Bậc 2)	
53	2024012044	Nguyễn Tấn Dũng	15	20	20	20	75	Đạt (Bậc 2)	
54	1921050133	Vũ Đức Dũng	0	0	0	8	8	Không đạt	
55	1921060294	Hoàng Văn Dương	20	30	23	11	84	Đạt (Bậc 2)	
56	1921010089	Nguyễn Thị Duyên	16	28	16	10	70	Đạt (Bậc 2)	
57	2021050808	Đặng Đức Giang	18	21	22	15	76	Đạt (Bậc 2)	
58	2024010270	Nguyễn Thị Hương Giang	7	23	15	11	56	Không đạt	
59	1621050613	Vương Nguyễn Giáp	20	30	25	23	98	Đạt (Bậc 3)	
60	1721050356	Lê Văn Hà	18	24	18	10	70	Đạt (Bậc 2)	
61	1721060098	Nguyễn Hồng Hà	20	20	14	17	71	Đạt (Bậc 2)	
62	1921050211	Nguyễn Thái Hà	0	0	0	0	0		
63	1621050470	Nguyễn Thanh Hải	18	22	22	8	70	Đạt (Bậc 2)	
64	2024012315	Nguyễn Thị Hai	11	26	23	16	76	Đạt (Bậc 2)	
65	2024010435	Lê Thanh Hằng	16	25	20	22	83	Đạt (Bậc 2)	
66	2024012058	Nguyễn Thị Hằng	19	29	20	12	80	Đạt (Bậc 2)	
67	2024012291	Phạm Thị Thu Hằng	16	27	24	20	87	Đạt (Bậc 2)	
68	2024011459	Phạm Thị Thu Hằng	11	20	23	15	69	Không đạt	
69	2124010343	Trần Thị Thủy Hằng	19	29	21	15	84	Đạt (Bậc 2)	
70	2024011316	Trần Hồng Hạnh	8	17	16	18	59	Không đạt	
71	2024011453	Nguyễn Thanh Hao	18	27	22	23	90	Đạt (Bậc 3)	
72	2024010972	Lê Thị Thu Hiền	19	28	24	22	93	Đạt (Bậc 3)	
73	1624010719	Nguyễn Thị Hiền	20	30	25	10	85	Đạt (Bậc 2)	
74	2024010287	Tạ Thị Thu Hiền	7	8	9	16	40	Không đạt	
75	1821050455	Đỗ Minh Hiếu	20	30	24	17	91	Đạt (Bậc 3)	
76	1921070029	Nguyễn Trung Hiếu	20	30	25	21	96	Đạt (Bậc 3)	
77	1824010899	Phạm Minh Hiếu	18	30	20	2	70	Đạt (Bậc 2)	

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Nghe	Đọc	Viết	Nói	Điểm đánh giá	Xếp loại	Ghi chú
78	1921010137	Phạm Nguyễn Chi	Hiếu	20	27	20	3	70	Đạt (Bậc 2)
79	1921050248	Phạm Trung	Hiếu	14	30	25	15	84	Đạt (Bậc 2)
80	1921050246	Phan Trung	Hiếu	19	30	25	6	80	Đạt (Bậc 2)
81	1721050657	Phí Minh	Hiếu	17	24	15	0	56	Không đạt
82	1821070111	Trần Minh	Hiếu	20	30	25	8	83	Đạt (Bậc 2)
83	1421050402	Vũ Văn	Hiếu	17	30	25	16	88	Đạt (Bậc 2)
84	2024010421	Đặng Phương	Hoa	19	30	24	22	95	Đạt (Bậc 3)
85	2024012084	Bùi Thị	Hoà	14	22	12	17	65	Không đạt
86	2024012295	Đồng Thị	Hòa	10	23	19	20	72	Đạt (Bậc 2)
87	1921060160	Lê Hữu	Hòa	20	30	21	2	73	Đạt (Bậc 2)
88	1921060222	Ngô Văn	Hòa	0	0	0	0	0	
89	2024011324	Nguyễn Thị	Hoài	17	29	21	25	92	Đạt (Bậc 3)
90	2021050836	Đỗ Đức	Hoàn	13	28	21	16	78	Đạt (Bậc 2)
91	1924011256	Lưu Nhật	Hoàng	0	0	0	0	0	
92	1621060565	Phạm Văn	Huân	11	26	23	10	70	Đạt (Bậc 2)
93	2024011489	Nguyễn Thị	Huế	16	19	16	18	69	Không đạt
94	2024011490	Nguyễn Thị Thu	Huế	14	22	17	20	73	Đạt (Bậc 2)
95	2024011790	Đặng Thị Mỹ	Huệ	11	28	18	22	79	Đạt (Bậc 2)
96	2021060557	Lê Đức	Hùng	8	18	19	20	65	Không đạt
97	2021050331	Lưu Doãn	Hưng	19	30	22	22	93	Đạt (Bậc 3)
98	2021060089	Nguyễn Hồng	Hưng	18	30	23	25	96	Đạt (Bậc 3)
99	2024010578	Hoàng Thu	Hương	20	20	19	16	75	Đạt (Bậc 2)
100	2024011970	Phí Thị	Hương	18	22	23	20	83	Đạt (Bậc 2)
101	2024011337	Nguyễn Thu	Hương	18	27	22	17	84	Đạt (Bậc 2)
102	1921040047	Bùi Văn	Hữu	9	14	0	0	23	Không đạt
103	1821050749	Đặng Quang	Huy	20	30	25	16	91	Đạt (Bậc 3)
104	1921010101	Nguyễn Đình	Huy	20	30	25	23	98	Đạt (Bậc 3)
105	1924010643	Nguyễn Hữu	Huy	15	30	25	0	70	Không đạt
106	2024010817	Tạ Quang	Huy	14	25	22	9	70	Đạt (Bậc 2)
107	1921060347	Trần Triệu Trường	Huy	20	30	25	20	95	Đạt (Bậc 3)
108	1824010375	Đàm Thị	Huyền	10	30	21	10	71	Đạt (Bậc 2)
109	2124010075	Đào Thị Thu	Huyền	20	29	25	20	94	Đạt (Bậc 3)
110	1621030161	Nguyễn Thanh	Huyền	20	30	11	14	75	Đạt (Bậc 2)
111	2024011804	Nguyễn Thị	Huyền	16	20	18	15	69	Không đạt
112	2131010001	Phạm Văn	Huyền	14	24	25	21	84	Đạt (Bậc 2)
113	2024012286	Trần Diệu	Huyền	15	26	15	22	78	Đạt (Bậc 2)
114	2024012224	Trần Thị	Huyền	19	28	21	21	89	Đạt (Bậc 2)
115	1921050319	Ngô Văn	Khải	20	30	25	3	78	Đạt (Bậc 2)
116	1921060026	Nguyễn Duy	Khánh					0	VPQC - Thụ, KQ
117	1921060522	Nguyễn Duy	Khánh	20	30	25	12	87	Đạt (Bậc 2)
118	1921060012	Nguyễn Danh	Kiên	12	27	16	19	74	Đạt (Bậc 2)

29/6

STT	Mã sinh viên	Họ tên		Nghe	Đọc	Viết	Nói	Điểm đánh giá	Xếp loại	Ghi chú
119	2021050908	Phạm Trung Kiên		20	28	17	24	89	Đạt (Bậc 2)	
120	1921011140	Phan Trung Kiên		15	24	17	14	70	Đạt (Bậc 2)	
121	2021012282	Nguyễn Thị Thu Kiều		18	30	18	24	90	Đạt (Bậc 3)	
122	1921010006	Lê Văn Lâm		20	30	25	20	95	Đạt (Bậc 3)	
123	1921010062	Nguyễn Thanh Lâm		20	26	23	23	92	Đạt (Bậc 3)	
124	1721070027	Nguyễn Tùng Lâm		12	22	18	18	70	Đạt (Bậc 2)	
125	1921050767	Quan Tùng Lâm		19	30	16	6	71	Đạt (Bậc 2)	
126	1921060361	Đinh Văn Lập		19	18	22	11	70	Đạt (Bậc 2)	
127	1621070076	Dương Đức Liêm		20	30	19	6	75	Đạt (Bậc 2)	
128	1921060500	Đào Quang Linh		0	0	0	0	0		
129	1924010740	Đỗ Thị Phương Linh		20	30	25	12	87	Đạt (Bậc 2)	
130	1621070043	Hoàng Duy Linh		20	27	21	10	78	Đạt (Bậc 2)	
131	2024012236	Ngô Thụy Linh		15	27	18	14	74	Đạt (Bậc 2)	
132	2024011522	Nguyễn Phương Linh		19	20	16	18	73	Đạt (Bậc 2)	
133	2024011527	Nguyễn Thị Linh		19	26	16	23	84	Đạt (Bậc 2)	
134	2024012317	Nguyễn Thị Khanh Linh		15	26	21	19	81	Đạt (Bậc 2)	
135	2024012217	Nguyễn Thị Kiều Linh		12	22	14	14	62	Không đạt	
136	2021050898	Trần Diệu Linh		20	28	22	21	91	Đạt (Bậc 3)	
137	1921050357	Trần Hoài Linh		17	18	20	0	55	Không đạt	
138	1921010135	Nguyễn Hữu Lợi		20	30	25	16	91	Đạt (Bậc 3)	
139	1621050496	Nguyễn Quý Lợi		20	30	25	20	95	Đạt (Bậc 3)	
140	1721050399	Lý Thành Long		20	30	25	18	93	Đạt (Bậc 3)	
141	1921060097	Nguyễn Thành Long		20	26	8	16	70	Đạt (Bậc 2)	
142	1821050129	Nguyễn Thành Long		20	30	25	18	93	Đạt (Bậc 3)	
143	1821050273	Nguyễn Xuân Long		11	30	25	22	88	Đạt (Bậc 2)	
144	1921050368	Vũ Duy Long		0	0	0	0	0		
145	1921050758	Quách Thị Luyện		20	30	25	16	91	Đạt (Bậc 3)	
146	2021050424	Nguyễn Thị Khanh Ly		10	15	10	15	50	Không đạt	
147	2024011950	Phạm Khánh Ly		20	29	25	23	97	Đạt (Bậc 3)	
148	2024011350	Đặng Thị Ngọc Mai		11	9	10	0	30	Không đạt	
149	1924010806	Lê Thị Hoa Mai		17	23	20	0	60	Không đạt	
150	2024012229	Lương Thị Mai		7	15	2	6	30	Không đạt	
151	1921010111	Cao Ngọc Mạnh		20	30	25	16	91	Đạt (Bậc 3)	
152	1921050378	Đào Đăng Mạnh		17	30	25	16	88	Đạt (Bậc 2)	
153	1721060215	Nguyễn Danh Mạnh		0	0	0	0	0		
154	1924010330	Nguyễn Đức Mạnh		15	26	8	0	49	Không đạt	
155	1821050099	Ninh Đức Mạnh		20	30	25	24	99	Đạt (Bậc 3)	
156	1621050618	Dương Công Minh		20	30	25	25	100	Đạt (Bậc 3)	
157	1621050313	Phạm Văn Minh		20	30	25	20	95	Đạt (Bậc 3)	
158	1921060173	Trịnh Văn Minh		20	30	25	16	91	Đạt (Bậc 3)	
159	2024011543	Nguyễn Thị Mơ		18	25	23	9	75	Đạt (Bậc 2)	

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Nghe	Độc	Viết	Nói	Điểm đánh giá	Xếp loại	Ghi chú
160	2024012299	Dương Trà My	18	29	20	23	90	Đạt (Bậc 3)	
161	2024011864	Vũ Thị Trà My	2	21	18	14	55	Không đạt	
162	1921060532	Mạc Phương Nam	19	30	25	5	79	Đạt (Bậc 2)	
163	1921010113	Phạm Đình Nam	12	30	25	17	84	Đạt (Bậc 2)	
164	1821050276	Công Thị Ngân	20	30	25	21	96	Đạt (Bậc 3)	
165	2024012320	Mai Thị Ngân	18	23	17	23	81	Đạt (Bậc 2)	
166	2024011884	Nguyễn Thị Ngân	17	20	16	17	70	Đạt (Bậc 2)	
167	1921050439	Bùi Thị Ngoan	14	30	25	12	81	Đạt (Bậc 2)	
168	1421050142	Nguyễn Thị Kim Ngoan	18	28	17	7	70	Đạt (Bậc 2)	
169	1921050441	Đào Minh Ngọc	20	30	25	21	96	Đạt (Bậc 3)	
170	1924010873	Vũ Quốc Nguyên	0	0	0	0	0		
171	2024012294	Phan Thị Nguyệt	13	21	19	0	53	Không đạt	
172	2024011993	Trần Thị Nguyệt	0	0	0	2	2	Không đạt	
173	2024012297	Đỗ Thị Nhâm	18	30	24	21	93	Đạt (Bậc 3)	
174	2024012338	Hoàng Thị Nhung	4	24	22	20	70	Đạt (Bậc 2)	
175	2024011750	Phạm Hồng Nhung	19	30	19	22	90	Đạt (Bậc 3)	
176	1724010258	Phạm Thị Nhung	17	30	25	20	92	Đạt (Bậc 3)	
177	1854010001	Trần Hà Ninh	20	30	25	24	99	Đạt (Bậc 3)	
178	2024012290	Hồ Thị Lâm Oanh	17	26	17	22	82	Đạt (Bậc 2)	
179	2024011579	Nguyễn Kiều Oanh	9	10	5	17	41	Không đạt	
180	1921050460	Nguyễn Văn Phong	19	24	15	12	70	Đạt (Bậc 2)	
181	1921011135	Nguyễn Anh Phúc	20	26	23	1	70	Đạt (Bậc 2)	
182	2024011360	Tô Hồng Phúc	15	20	15	22	72	Đạt (Bậc 2)	
183	1921050801	Lê Minh Phương	9	14	9	0	32	Không đạt	
184	1924010925	Nguyễn Mai Phương	0	0	0	0	0		
185	2024011362	Nguyễn Minh Phương	10	14	14	14	52	Không đạt	
186	1921050471	Phạm Thanh Phương	20	30	18	20	88	Đạt (Bậc 2)	
187	1921050765	Khổng Minh Quân	20	27	25	20	92	Đạt (Bậc 3)	
188	1921050730	Nguyễn Bá Quân	17	28	10	15	70	Đạt (Bậc 2)	
189	1824010312	Đông Thúy Quỳnh	20	27	20	12	79	Đạt (Bậc 2)	
190	2024012087	Lê Thị Diễm Quỳnh	19	28	23	19	89	Đạt (Bậc 2)	
191	2024011600	Trần Diễm Quỳnh	10	15	6	8	39	Không đạt	
192	1821050855	Dư Thái Sơn	20	29	9	12	70	Đạt (Bậc 2)	
193	1921011078	Lê Minh Sơn	20	30	25	22	97	Đạt (Bậc 3)	
194	1921060406	Lê Văn Sơn	0	0	0	0	0		
195	1321050684	Lương Thế Sơn	15	29	16	10	70	Đạt (Bậc 2)	
196	2024010900	Vũ Thái Sơn	17	29	19	23	88	Đạt (Bậc 2)	
197	1721050429	Nguyễn Đức Tá	4	14	0	0	18	Không đạt	
198	1921010120	Bùi Thế Tài	9	26	16	19	70	Đạt (Bậc 2)	
199	2024011373	Bùi Minh Tân	6	14	4	3	27	Không đạt	
200	1921050557	Nguyễn Văn Thắng					0		VPQC - Thụy Kỳ

ngb

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Nghe	Đọc	Viết	Nói	Điểm đánh giá	Xếp loại	Ghi chú
201	2024010609	Nguyễn Thị Thu Thanh	7	17	11	16	51	Không đạt	
202	1921010123	Phạm Thị Thanh	12	30	25	22	89	Đạt (Bậc 2)	
203	1621030212	Phạm Thị Thanh	20	30	23	7	80	Đạt (Bậc 2)	
204	1921060419	Trương Quang	19	30	25	1	75	Đạt (Bậc 2)	
205	1921010124	Lê Tấn	10	27	25	16	78	Đạt (Bậc 2)	
206	1721011017	Ngô Văn	0	0	0	0	0		
207	1721050141	Nguyễn Tuấn	0	0	0	0	0		
208	2024011607	Nguyễn Thị	11	23	19	18	71	Đạt (Bậc 2)	
209	2024011929	Bùi Thị	12	21	17	17	67	Không đạt	
210	1924011019	Mai Thị	20	30	25	20	95	Đạt (Bậc 3)	
211	1821050973	Nguyễn Thị Phương	17	24	25	17	83	Đạt (Bậc 2)	
212	2024011928	Tạ Thanh	8	21	19	21	69	Không đạt	
213	1921050553	Trần Thị	20	30	25	4	79	Đạt (Bậc 2)	
214	1821050709	Hoàng Văn	15	20	25	16	76	Đạt (Bậc 2)	
215	2024011212	Bùi Trang Anh	14	27	22	22	85	Đạt (Bậc 2)	
216	2024011621	Lương Thị Lệ	18	28	22	14	82	Đạt (Bậc 2)	
217	2024012223	Nguyễn Thị	14	29	17	15	75	Đạt (Bậc 2)	
218	2021060570	Nguyễn Đức	19	30	24	23	96	Đạt (Bậc 3)	
219	2024011380	Phạm Thị Thu	9	20	14	18	61	Không đạt	
220	2024010326	Nguyễn Thị	20	30	21	10	81	Đạt (Bậc 2)	
221	2024011216	Nguyễn Thị Thanh	7	17	16	0	40	Không đạt	
222	2024011218	Hà Thị Bích	9	22	19	19	69	Không đạt	
223	1821050068	Nguyễn Xuân	20	30	25	18	93	Đạt (Bậc 3)	
224	1921070050	Nguyễn Trọng	20	30	25	15	90	Đạt (Bậc 3)	
225	1521010182	Vũ Văn	20	30	25	23	98	Đạt (Bậc 3)	
226	2024010495	Trần Thu	10	15	9	14	48	Không đạt	
227	2024010750	Đinh Thị	5	9	1	0	15	Không đạt	
228	2021050648	Đinh Thị Huyền	6	7	16	12	41	Không đạt	
229	2021050885	Nguyễn Thị Thủy	19	28	20	21	88	Đạt (Bậc 2)	
230	2024011650	Phạm Quỳnh	17	30	22	24	93	Đạt (Bậc 3)	
231	2024011813	Trần Thị Thu	14	24	17	20	75	Đạt (Bậc 2)	
232	2024011693	Đặng Thị Lan	14	27	23	17	81	Đạt (Bậc 2)	
233	2024012109	Vương Thị Phương	19	27	21	22	89	Đạt (Bậc 2)	
234	1821060362	Phạm Đức	11	30	25	6	72	Đạt (Bậc 2)	
235	2021050665	Mạch Quang	6	19	17	16	58	Không đạt	
236	1921010128	Nguyễn Văn	14	22	22	12	70	Đạt (Bậc 2)	
237	2024011660	Phạm Quang	6	18	14	15	53	Không đạt	
238	2024011387	Phượng Quốc	20	23	17	17	77	Đạt (Bậc 2)	
239	2024011878	Nguyễn Thanh	18	29	22	22	91	Đạt (Bậc 3)	
240	1321070711	Hồ Văn	18	27	20	5	70	Đạt (Bậc 2)	
241	1921010129	Ngô Văn	17	20	15	20	72	Đạt (Bậc 2)	

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Nghe	Đọc	Viết	Nói	Điểm đánh giá	Nếp loại	Ghi chú
242	1321050774	Nguyễn Anh Tuấn	20	30	16	20	86	Đạt (Bậc 2)	
243	2024011866	Nguyễn Quốc Tuấn	0	0	0	0	0		
244	2024011662	Nguyễn Thanh Tuấn	13	25	20	16	74	Đạt (Bậc 2)	
245	1221040480	Nguyễn Văn Tuấn	20	30	25	15	90	Đạt (Bậc 3)	
246	1921070052	Bùi Đức Tùng	20	30	25	22	97	Đạt (Bậc 3)	
247	1921050658	Đặng Văn Tùng	20	30	25	16	91	Đạt (Bậc 3)	
248	2024011258	Nguyễn Quang Tùng	19	29	23	20	91	Đạt (Bậc 3)	
249	2024011793	Nguyễn Thanh Tùng	18	29	24	23	94	Đạt (Bậc 3)	
250	1921050666	Nguyễn Văn Tùng	20	30	25	18	93	Đạt (Bậc 3)	
251	2021010028	Lê Thị Ngọc Tuyết	17	24	19	15	75	Đạt (Bậc 2)	
252	2024012327	Phan Thị Ánh Tuyết	13	19	20	17	69	Không đạt	
253	1821050412	Phùng Hiếu Uy	20	30	18	12	80	Đạt (Bậc 2)	
254	2024012104	Nguyễn Thị Hải Vân	19	26	22	24	91	Đạt (Bậc 3)	
255	2024010800	Phạm Thủy Vân	7	26	21	11	65	Không đạt	
256	2024011265	Phan Thị Vàng	6	14	22	20	62	Không đạt	
257	1621070154	Đỗ Như Việt	20	30	25	2	77	Đạt (Bậc 2)	
258	1921030144	Ngô Quốc Việt	20	30	25	0	75	Không đạt	Vắng thi V11
259	2131070011	Nguyễn Đình Việt	0	0	0	0	0		
260	1921011091	Nguyễn Thành Vinh	20	30	18	2	70	Đạt (Bậc 2)	
261	1521010122	Hồ Tuấn Vũ	20	30	25	24	99	Đạt (Bậc 3)	
262	2021060490	Nguyễn Văn Vũ	18	24	19	14	75	Đạt (Bậc 2)	
263	2021050842	Ninh Thị Chiêu Xuân	18	25	22	22	87	Đạt (Bậc 2)	
264	2024011786	Nguyễn Thị Yên	10	23	23	19	75	Đạt (Bậc 2)	
265	2024012244	Nguyễn Thị Bảo Yên	13	26	18	24	81	Đạt (Bậc 2)	
266	1921050708	Nguyễn Thu Yên	20	30	25	17	92	Đạt (Bậc 3)	

ngb

DANH SÁCH KẾT QUẢ KIỂM TRA CHUẨN ĐẦU RA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**ĐỢT II NĂM HỌC 2023-2024**

(Kèm theo Quyết định số 1840 /QĐ-MĐC ngày 17 tháng 11 năm 2023 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Mở - Đà Nẵng)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Trắc nghiệm	Thực hành	Điểm đánh giá	Xếp loại	Ghi chú
1	1924010384	Phạm Việt Anh	31	15	46	Không đạt	
2	2024011683	Nguyễn Phương Anh	36	37,5	74	Đạt	
3	2024011743	Nguyễn Quỳnh Anh	30	42	72	Đạt	
4	1521020092	Lương Đức Anh	35	27	62	Đạt	
5	1621050211	Nguyễn Thế Anh	40	31,5	72	Đạt	
6	2024012322	Phạm Thị Lan Anh	35	35,5	71	Đạt	
7	2024011404	Nguyễn Thị Lan Anh	27	32,5	60	Đạt	
8	2024012042	Lê Phương Anh	0	0	0		Vắng thi
9	1921050077	Tạ Thị Vân Anh	37	46	83	Đạt	
10	2024012318	Đỗ Thu Anh	37	41	78	Đạt	
11	2021050078	Nghiêm Thị Vân Anh	29	33	62	Đạt	
12	2021050076	Lê Thị Mai Anh	33	22	55	Đạt	
13	2024011809	Mai Ngọc Quốc Anh	26	0	26	Không đạt	
14	1821060132	Doãn Thế Anh	33	29,5	63	Đạt	
15	1721050520	Quách Văn Cảnh	39	49	88	Đạt	
16	1921070013	Nguyễn Xuân Công	32	44	76	Đạt	
17	1821050281	Vũ Đình Công	34	41	75	Đạt	
18	1824011090	Nguyễn Thành Công	34	25,5	60	Đạt	
19	1921060280	Cần Đức Cương	36	25	61	Đạt	
20	2024011806	Bùi Kim Chi	34	18	52	Đạt	
21	2024011978	Vũ Linh Chi	27	1	28	Không đạt	
22	2024012012	Bùi Thị Kim Chi	30	41	71	Đạt	
23	1721060161	Đỗ Ngọc Chung	34	33	67	Đạt	
24	1921010049	Nguyễn Ngọc Chung	34	26,5	61	Đạt	
25	1621060682	Nguyễn Văn Chương	34	0	34	Không đạt	
26	1821050920	Lê Văn Dũng	33	19	52	Đạt	
27	1821010036	Ngô Hoàng Dũng	35	33	68	Đạt	
28	1921050143	Trần Quang Duy	41	47	88	Đạt	
29	1921010089	Nguyễn Thị Duyên	27	36	63	Đạt	
30	2024010928	Nguyễn Thùy Dương	33	44	77	Đạt	
31	1921070033	Nguyễn Việt Tùng Dương	31	34	65	Đạt	
32	2024010675	Lê Đức Dương	37	31,5	69	Đạt	
33	1821050390	Lương Tuấn Đạt	0	0	0		Vắng thi
34	2051060002	Trần Đăng Đức	24	45	69	Đạt	
35	1621040060	Nguyễn Huy Đức	27	23	50	Đạt	
36	1721060398	Trần Văn Đức	27	36	63	Đạt	
37	1924010498	Lê Minh Đức	36	35	71	Đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Trắc nghiệm	Thực hành	Điểm đánh giá	Xếp loại	Ghi chú
38	1621050613	Vương Nguyên Giáp	33	40	73	Đạt	
39	1721060098	Nguyễn Hồng Hà	23	27	50	Đạt	
40	1721050356	Lê Văn Hà	28	44	72	Đạt	
41	1921050211	Nguyễn Thái Hà	0	0	0		Vắng thi
42	1621050470	Nguyễn Thanh Hải	29	21	50	Đạt	
43	2024010435	Lê Thanh Hằng	32	41	73	Đạt	
44	2024011460	Vũ Thị Thu Hằng	24	31	55	Đạt	
45	2024012258	Nguyễn Thị Hiền	27	25	52	Đạt	
46	1924010573	Nguyễn Thị Hiền	23	32	55	Đạt	
47	1921060043	Đặng Minh Hiếu	28	29	57	Đạt	
48	1721060385	Đỗ Phú Hiếu	29	32	61	Đạt	
49	1821050455	Đỗ Minh Hiếu	45	44	89	Đạt	
50	1721050657	Phí Minh Hiếu	36	39	75	Đạt	
51	1921070029	Nguyễn Trung Hiếu	36	40	76	Đạt	
52	1821070111	Trần Minh Hiếu	31	31,5	63	Đạt	
53	1924011274	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	29	36	65	Đạt	
54	1921050251	Lê Thị Hoa	34	35,5	70	Đạt	
55	1921050255	Lê Thị Hòa	31	24	55	Đạt	
56	2024011324	Nguyễn Thị Hoài	29	0	29	Không đạt	
57	2024011480	Đỗ Thu Hoài	26	10	36	Không đạt	
58	2024011879	Bùi Thị Thu Hoài	38	27	65	Đạt	
59	1924010610	Lê Việt Hoàn	0	0	0		Vắng thi
60	1921060330	Nguyễn Xuân Hoàng	24	27	51	Đạt	
61	1721050405	Đỗ Quang Hoàng	33	40	73	Đạt	
62	2024010101	Phạm Huy Hoàng	21	14	35	Không đạt	
63	1924011256	Lưu Nhật Hoàng	0	0	0		Vắng thi
64	2024011790	Đặng Thị Mỹ Huệ	39	38	77	Đạt	
65	1921060347	Trần Triệu Trường Huy	33	29	62	Đạt	
66	1821050749	Đặng Quang Huy	32	30	62	Đạt	
67	1921030102	Vương Quang Huy	33	28	61	Đạt	
68	1924010643	Nguyễn Hữu Huy	35	25,5	61	Đạt	
69	1621010163	Nguyễn Văn Huy	26	24	50	Đạt	
70	2024010478	Nguyễn Thị Diệu Huyền	26	33,5	60	Đạt	
71	2024011987	Nguyễn Thị Huyền	31	15	46	Không đạt	
72	1924010668	Tạ Thị Huyền	0	0	0		Vắng thi
73	2024011738	Trần Khánh Huyền	27	38,5	66	Đạt	
74	2024011494	Lê Thị Ngọc Huyền	33	45	78	Đạt	
75	2024012224	Trần Thị Huyền	33	20	53	Đạt	
76	2021050326	Nguyễn Thị Huyền	35	36	71	Đạt	
77	1621030161	Nguyễn Thanh Huyền	28	22	50	Đạt	
78	1924010669	Trần Khánh Huyền	0	0	0		Vắng thi

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Trắc nghiệm	Thực hành	Điểm đánh giá	Xếp loại	Ghi chú
79	2021050331	Lưu Doãn Hưng	31	40	71	Đạt	
80	2024012142	Lê Thị Thanh Hương	25	46	71	Đạt	
81	2024011970	Phí Thị Hương	31	37	68	Đạt	
82	1921060012	Nguyễn Danh Kiên	37	37	74	Đạt	
83	2021050908	Phạm Trung Kiên	40	49	89	Đạt	
84	2024012282	Nguyễn Thị Thu Kiều	32	48	80	Đạt	
85	1921050319	Ngô Văn Khải	31	29	60	Đạt	
86	1921060223	Nguyễn Ngọc Khải	0	0	0		Vắng thi
87	1921060026	Nguyễn Duy Khánh	33	31,5	65	Đạt	
88	1921060522	Nguyễn Duy Khánh	38	23,5	62	Đạt	
89	2021060309	Nguyễn Văn Khoa	32	35	67	Đạt	
90	1924010702	Nguyễn Danh Khôi	0	0	0		Vắng thi
91	1921010062	Nguyễn Thành Lâm	24	3	27	Không đạt	
92	1921060124	Nguyễn Thành Lân	31	28	59	Đạt	
93	1921060361	Đình Văn Lập	33	11	44	Không đạt	
94	1621070076	Dương Đức Liêm	30	25	55	Đạt	
95	1921030001	Trần Hoàng Việt Linh	26	40,5	67	Đạt	
96	1924010756	Nguyễn Thị Khánh Linh	22	15,5	38	Không đạt	
97	1924010759	Nguyễn Thị Mỹ Linh	19	14	33	Không đạt	
98	1924010740	Đỗ Thị Phương Linh	21	15	36	Không đạt	
99	1921060362	Nguyễn Văn Linh	0	0	0		Vắng thi
100	1621070043	Hoàng Duy Linh	31	34	65	Đạt	
101	1921060500	Đào Quang Linh	35	39	74	Đạt	
102	1921060097	Nguyễn Thành Long	36	37	73	Đạt	
103	1821050129	Nguyễn Thành Long	36	35,5	72	Đạt	
104	1924010784	Vũ Đình Long	29	6	35	Không đạt	
105	1721050399	Lý Thành Long	40	43	83	Đạt	
106	1921050751	Nguyễn Đức Lộc	41	36	77	Đạt	
107	1621050496	Nguyễn Quý Lợi	34	39,5	74	Đạt	
108	1921010135	Nguyễn Hữu Lợi	37	28	65	Đạt	
109	1921060255	Nguyễn Văn Lợi	0	0	0		Vắng thi
110	1921050758	Quách Thị Luyến	26	29	55	Đạt	
111	1821050317	Đinh Thị Cẩm Ly	38	37	75	Đạt	
112	2024011350	Đặng Thị Ngọc Mai	29	23	52	Đạt	
113	2024012229	Lương Thị Mai	24	12	36	Không đạt	
114	1924010330	Nguyễn Đức Mạnh	25	0	25	Không đạt	
115	1821050099	Ninh Đức Mạnh	36	39	75	Đạt	
116	1921010111	Cao Ngọc Mạnh	20	26	46	Không đạt	
117	1621060788	Đặng Văn Mạnh	31	34	65	Đạt	
118	1721060215	Nguyễn Danh Mạnh	28	33	61	Đạt	
119	1621050313	Phạm Văn Minh	38	49	87	Đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Trắc nghiệm	Thực hành	Điểm đánh giá	Xếp loại	Ghi chú
120	1621050618	Dương Công Minh	39	39	78	Đạt	
121	2024011114	Trần Đức Nam	33	46	79	Đạt	
122	1924010832	Hoàng Hữu Nam	0	0	0		Vắng thi
123	2024011140	Đỗ Thị Ninh	28	33	61	Đạt	
124	1854010001	Trần Hà Ninh	33	49	82	Đạt	
125	2024011884	Nguyễn Thị Ngân	25	19	44	Không đạt	
126	1821050276	Công Thị Ngân	39	45	84	Đạt	
127	1921050441	Đào Minh Ngọc	35	37	72	Đạt	
128	1924010856	Đinh Thị Ngọc	25	31	56	Đạt	
129	1924010873	Vũ Quốc Nguyên	0	0	0		Vắng thi
130	2024011993	Trần Thị Nguyệt	0	0	0		Vắng thi
131	1621010110	Thái Phi Nhật	26	29	55	Đạt	
132	2024010187	Phạm Linh Nhi	31	0	31	Không đạt	
133	2024010498	Nguyễn Thị Nhi	31	35	66	Đạt	
134	2024012338	Hoàng Thị Nhung	40	34	74	Đạt	
135	2024011966	Lê Hồng Nhung	37	30	67	Đạt	
136	2024011750	Phạm Hồng Nhung	29	28	57	Đạt	
137	2024010575	Nguyễn Thị Nhung	34	23,5	58	Đạt	
138	1724010258	Phạm Thị Nhung	30	36	66	Đạt	
139	1921010054	Hoàng Thị Oanh	29	12	41	Không đạt	
140	1821050562	Phạm Nhật Phong	36	45	81	Đạt	
141	1921050460	Nguyễn Văn Phong	34	49	83	Đạt	
142	2024011584	Nguyễn Mai Phương	28	32	60	Đạt	
143	2024012265	Nguyễn Hoài Phương	34	45,5	80	Đạt	
144	2024012289	Phạm Thu Phương	31	34,5	66	Đạt	
145	1924010928	Nguyễn Thị Thanh Phương	24	0	24	Không đạt	
146	1621070042	Vũ Ngọc Quang	0	0	0		Vắng thi
147	2024011699	Nông Minh Quân	41	50	91	Đạt	
148	2024011586	Nguyễn Thị Hương Quê	27	39	66	Đạt	
149	1621030012	Nguyễn Hữu Chí Quốc	34	34	68	Đạt	
150	2024012057	Nguyễn Thị Quyên	26	44	70	Đạt	
151	2024011593	Cần Xuân Quỳnh	31	34	65	Đạt	
152	1824010312	Đồng Thúy Quỳnh	30	33,5	64	Đạt	
153	2024011800	Thiều Thị Như Quỳnh	32	40,5	73	Đạt	
154	2024011600	Trần Diễm Quỳnh	24	0	24	Không đạt	
155	2024011179	Vương Như Quỳnh	0	0	0		Vắng thi
156	2024012204	Hoàng Thị Sang	27	29	56	Đạt	
157	2024010900	Vũ Thái Sơn	34	48	82	Đạt	
158	1921070022	Phan Duy Sơn	0	0	0		Vắng thi
159	1921070026	Lê Ngọc Trường Sơn	30	23	53	Đạt	
160	1321050684	Lương Thế Sơn	38	33	71	Đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Trắc nghiệm	Thực hành	Điểm đánh giá	Xếp loại	Ghi chú
161	1921010120	Bùi Thế Tài	30	36,5	67	Đạt	
162	1321060309	Nguyễn Quyết Tiến	37	0	37	Không đạt	
163	1821050326	Nguyễn Văn Tiến	0	0	0		Vắng thi
164	1921070050	Nguyễn Trọng Tiến	29	35	64	Đạt	
165	1921070030	Hoàng Trọng Toàn	33	36	69	Đạt	
166	1921060436	Nguyễn Xuân Toàn	31	22	53	Đạt	
167	1921060056	Nguyễn Anh Tú	0	0	0		Vắng thi
168	2024011866	Nguyễn Quốc Tuấn	28	49	77	Đạt	
169	1321050774	Nguyễn Anh Tuấn	36	45	81	Đạt	
170	1221040480	Nguyễn Văn Tuấn	34	47	81	Đạt	
171	2024011258	Nguyễn Quang Tùng	37	0	37	Không đạt	
172	2024011793	Nguyễn Thanh Tùng	0	0	0		Vắng thi
173	1921070052	Bùi Đức Tùng	32	36	68	Đạt	
174	2024011682	Nguyễn Thị Tuyết	28	20	48	Không đạt	
175	2024011843	Nguyễn Thị Thanh Thàn	33	33,5	67	Đạt	
176	1921060419	Trương Quang Thanh	23	24	47	Không đạt	
177	2024011197	Đỗ Ngọc Thanh	26	16	42	Không đạt	
178	2024012246	Cao Hải Thanh	33	37,5	71	Đạt	
179	1621030212	Phạm Thị Thanh Thanh	31	19	50	Đạt	
180	1921010124	Lê Tất Thành	32	45	77	Đạt	
181	2024011376	Trần Tiến Thành	24	22	46	Không đạt	
182	2024011986	Phạm Thị Thu Thảo	23	42	65	Đạt	
183	2024011928	Tạ Thanh Thảo	31	29,5	61	Đạt	
184	1921060487	Nguyễn Cảnh Thăng	26	21	47	Không đạt	
185	1924011037	La Thị Thi	23	0	23	Không đạt	
186	2024011212	Bùi Trang Anh Thơ	32	3	35	Không đạt	
187	2024012223	Nguyễn Thị Thu	29	10	39	Không đạt	
188	2024010326	Nguyễn Thị Thủy	32	31,5	64	Đạt	
189	2024011218	Hà Thị Bích Thùy	25	14,5	40	Không đạt	
190	1821050068	Nguyễn Xuân Thủy	43	45	88	Đạt	
191	1921010044	Nguyễn Thị Thủy	29	21	50	Đạt	
192	2024011223	Nguyễn Trung Thực	31	38	69	Đạt	
193	2024011635	Trần Hoài Thương	28	36,75	65	Đạt	
194	2024011382	Trần Hương Trà	38	45,75	84	Đạt	
195	2024012144	Cồ Thùy Trang	38	9	47	Không đạt	
196	2024010750	Đinh Thị Trang	27	17	44	Không đạt	
197	1921050633	Phạm Tuấn Trường	37	46	83	Đạt	
198	1821050412	Phùng Hiểu Uy	32	43,75	76	Đạt	
199	2024011263	Hồ Thị Tố Uyên	24	25	49	Không đạt	
200	2024011265	Phan Thị Vàng	31	37	68	Đạt	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Trắc nghiệm	Thực hành	Điểm đánh giá	Xếp loại	Ghi chú
201	2024012104	Nguyễn Thị Hải Vân	33	43	76	Đạt	
202	2024010330	Dương Thị Vân	26	26	52	Đạt	
203	1621070154	Đỗ Như Việt	28	25	53	Đạt	
204	1921011091	Nguyễn Thành Vinh	24	31	55	Đạt	
205	1521010122	Hồ Tuấn Vũ	36	30	66	Đạt	
206	2024011279	Hoàng Thị Vui	35	23	58	Đạt	
207	1621070187	Nguyễn Quý Vượng	35	30	65	Đạt	
208	2024011786	Nguyễn Thị Yên	20	34	54	Đạt	

m

